Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# BÀI 5: BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**2. Năng lực**

a. Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Sgk, giáo án, máy chiếu

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk, đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: Trên lãnh thổ nước ta hiện nay có Ìô dân tộc cùng nhau sinh sống gắn bó. Dân số nước ta là 96 208 984 người (tính đến hết quy 1 năm 2019, theo số liệu của Tổng cục thống kê). Trong đó, dân tộc Kinh chiếm khoảng 85,3% dân số. Em hãy tính dân số dân tộc Kinh của nước ta theo thống kê trên.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm giá trị phần trăm của một số**

**a. Mục tiêu**: Hs biết cách tìm giá trị phần trăm của một số

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs đọc HĐKP1: Giúp HS làm quen, nhận biết, có cơ hội trải nghiệm tìm giá trị phần trăm thông qua việc thực hành tìm thành phần các chất có trong hỗn hợp  - HĐKP1: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  - GV gọi 1 hs lên bảng làm Thực hành 1  - Hs vận dụng kiến thức đã học vào để giải quyết bài toán thực tế  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 1:**  Giải:  Khối lượng nguyên chất có trong 100g vàng bốn số chín là:  100 . 99,99% = = 99.99 (gam)  Đáp số: 99,99 gam  **Thực hành 1:**  Giải:  25% của 200 000 là:  200 000 . = 50 000 |

**Hoạt động 2: Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó**

**a. Mục tiêu**: Thông qua hoạt động giảng dạy của giáo viên, HS biết tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc đề bài phần HĐKP2  - Gv giới thiệu nội dung khung kiến thức  - Phân tích Ví dụ 2 để hs hiểu rõ hơn  - HS áp dụng l‎ thuyết vừa học làm thực hành 2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **Hoạt động 2:**  Giải:  Muốn điều chế được 200g cafein ta cần có số gam hạt cà phê là;  200 : 2,5% = = 8000 (gam)  **Thực hành 2:**  Giải:  Số x là: 500 : 12% = = 600 000 |

**Hoạt động 3: Sử dụng tỉ số phần trăm trong thực tế**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách tính tỉ số phần trăm trong thực tế

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv giới thiệu: trong cuộc sống hàng ngày có rất nhiều trường hợp sử dụng tỉ số phần trăm: mua bán hàng ngày, lãi suất tín dụng, hành phần trong các chất hóa học...  - GV phân tích ví dụ ở mỗi bài toán  - Yêu cầu HS làm phần  + Vận dụng 2: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  + Vận dụng 3; Tổ chức làm việc nhóm theo tổ. Gv đánh giá kết quả  + Vận dụng 4: HS làm tại chỗ, GV chấm điểm sản phẩm  - Gv có thể giải thích thêm một số khái niệm liên quan: lãi suất, gửi không kì hạn, gửi tiết kiệm có kì hạn, nồng độ, chất hóa học,...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Câu 1, 2, 3

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1:** Một quyển sách có giá 48 000 đồng. Tìm giá mới của quyển sách sau khi:  a) Giảm giá 25 %  b) Tăng giá 10 %  **Câu 2:** Cà phê Arabica chứa 1,5% chất cafein. Tính lượng cafein có trong 300g cà phê Arabica.  **Câu 3:** Một loại bột nêm có chứa 60% bột ngọt. Tính khối lượng bột ngọt có trong 20 g bột nêm loại đó. | **Câu 1:**  a) Quyển sách giảm đi số tiền là:  48 000.25% = = 12 000 ( đồng)  Giá mới của quyển sách là:  48 000 - 12 000 = 36 000 ( đồng)  b) Quyển sách tăng thêm số tiền là:  48 000.10% = = 4 800 ( đồng)  Giá mới của quyển sách là:  48 000 + 4 800  = 52 800 ( đồng)  **Câu 2:** Lượng cafein có trong 300g cà phê Arabica là:  300 x 1,5% =  = 4,5 (gam)  Đáp số: 4,5 gam  **Câu 3:** Khối lượng bột ngọt có trong 20g bột là:  20.60% = = 12 (gam)  Đáp số: 12 gam |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* câu 6,7,8 sgk

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6:** Trong một loại đậu nành nấu chín, chất đạm chiếm 32%. Hỏi phải nấu chín bao nhiêu ki-lô-gam đậu nành loại đó để thu  **Câu 7:** Trong một bản đồ có tỉ lệ 1: 50 000 thì chiều dài của cây cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu là 5,5 cm. Tính chiều dài thật của cầu Cần Thơ  **Câu 8:** Trong một bản vẽ kĩ thuật, chiều dài của một loại xe ô tô là 9,4 cm. Cho biết bản vẽ có tỉ lệ 1:50. Tính chiều dài thật của chiếc xe ô tô đó. | **Câu 6**: Phải nấu chín số ki-lô-gam đậu nành là:  6,4: 32% = 20 ( kg)  Đáp số: 20 kg  **Câu 7**: Chiều dài thật của cầu Cần Thơ là:  5,5 :  = 275 000 (cm)  Đáp số: 275 000 (cm)  **Câu 8:** Chiều dài thật của chiếc xe ô tô đó là:  9,4 :  = 470 (cm)  Đáp số: 470 cm |

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*